

**KẾT LUẬN****CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

**về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016  
của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông  
giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030**

-----

Sau gần 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Tỉnh ủy về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030 (*viết tắt là Nghị quyết số 113-NQ/TU*), nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về việc phát triển kết cấu hạ tầng giao thông được nâng cao, nhân dân tích cực hưởng ứng, góp công, góp kinh phí, tham gia giải phóng mặt bằng, hiến đất làm đường, tạo thành phong trào thi đua rộng khắp. Hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh, nhất là hệ thống đường bộ có sự cải thiện rất rõ rệt. Nhiều nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết số 113-NQ/TU về phát triển giao thông đường bộ được triển khai tích cực: Nhiều tuyến đường tỉnh quan trọng đã được tập trung đầu tư xây dựng. Việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ cứng hóa đường giao thông đã huy động hiệu quả nguồn lực từ nhân dân; giao thông nông thôn có bước phát triển mang tính đột phá so với nhiều nhiệm kỳ trước, vượt xa mục tiêu Nghị quyết đề ra... Hệ thống giao thông được đầu tư, nâng cấp đã giúp cải thiện đáng kể môi trường đầu tư kinh doanh; tạo động lực quan trọng và đóng góp tích cực thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong nhiệm kỳ vừa qua.

*Tuy nhiên*, vẫn còn một số mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết số 113-NQ/TU chưa hoàn thành: Hạ tầng giao thông chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; mạng lưới giao thông còn thiếu, ở vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn. Nhiều tuyến đường quy mô nhỏ hẹp, trong tình trạng quá tải, hư hỏng, xuống cấp chưa được đầu tư, đặc biệt là hệ thống quốc lộ còn rất khó khăn (QL31, QL37, QL279); giao thông đối ngoại, kết nối với các tỉnh xung quanh còn hạn chế; giao thông đường thủy, đường sắt, hệ thống bến xe, bãi đỗ xe hầu như chưa có cải thiện; nhiều dự án triển khai thực hiện còn khó khăn, vướng mắc, tiến độ chậm; có dự án chất lượng còn hạn chế; vi phạm về lấn chiếm hành lang giao thông còn khá phổ biến; xe quá khổ, quá tải chưa được quản lý hiệu quả...

Những hạn chế nêu trên có nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, đó là: Cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa thực hiện nghiêm túc việc cụ thể hóa Nghị quyết thành các chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện tại địa phương; chưa thường xuyên, chủ động tham mưu, đề xuất giải pháp để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Một số sở, ngành, địa phương chưa thực sự quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, tổ chức để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển giao thông; người đứng đầu một số sở, ngành chưa tích cực tham mưu, bám nắm các bộ, ngành Trung ương

có liên quan để thực hiện mục tiêu Nghị quyết. Một số chủ đầu tư, cán bộ ban quản lý dự án hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm chưa cao...

Để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 113-NQ/TU về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, tạo tiền đề, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới; Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

**1. Quán triệt và thống nhất quan điểm:** Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung ưu tiên, tạo đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương và của tỉnh. Phát triển đồng bộ cả ba loại hình giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt; cả giao thông đối nội và đối ngoại, trong đó phát triển đột phá mạng lưới giao thông đường bộ, tăng chiều dài đường và quy mô cấp đường; nâng cấp hạ tầng đường sắt, đường thủy.

Về mục tiêu: Nâng cao mật độ, chất lượng mạng lưới giao thông đường bộ. Tập trung nâng cấp các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, một số tuyến đường huyện, đầu tư mở mới một số tuyến phục vụ khai phá tiềm năng của tỉnh và kết nối phục vụ phát triển công nghiệp, khu vực dân cư, đô thị, du lịch. Tiếp tục phát triển đường thủy nội địa và đường sắt bảo đảm đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách, chia sẻ thị phần hợp lý với vận tải đường bộ. Phát triển dịch vụ logistics và tiếp tục nghiên cứu đầu tư xây dựng cảng cạn trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu cụ thể: (1) Đường tỉnh và quốc lộ trong kế hoạch đầu tư phải có quy mô cấp III trở lên, các trục giao thông động lực phải đảm bảo đầu tư với quy mô mặt đường tối thiểu 18m (04 làn xe cơ giới) trở lên. Ưu tiên đầu tư các tuyến đường kết nối đối ngoại, kết nối phục vụ công nghiệp, du lịch... (2) Bảo đảm luồng lạch cho các phương tiện có tải trọng lớn và nâng thị phần vận tải đường thủy. (3) Phối hợp với các cơ quan Trung ương cải tạo, nâng cấp đường sắt, nâng tốc độ chạy tàu các tuyến qua địa bàn tỉnh nhằm nâng cao thị phần vận tải hàng hóa bằng đường sắt.

**2. Thực hiện tốt các nhiệm vụ:**

- *Cao tốc, đường vành đai:* Duy trì tuyến cao tốc Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn qua tỉnh Bắc Giang, nghiên cứu xây dựng, cải tạo một số nút giao với cao tốc; tiếp tục đề nghị Bộ Giao thông vận tải đầu tư mở rộng cầu Xương Giang, cầu Như Nguyệt. Thực hiện đầu tư xây dựng đường Vành đai V - Vùng Thủ đô (trên địa bàn tỉnh Bắc Giang) giai đoạn 1.

- *Quốc lộ:* Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp QL.31, QL.37, xây dựng cầu đường bộ Cẩm Lý tách khỏi đường sắt; mở rộng đường gom trên từng đoạn thuộc cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn thuộc địa bàn tỉnh; đẩy tư xây dựng, nâng cấp đảm bảo không còn cầu yếu.

- *Đường tỉnh:* Tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới hạ tầng giao thông theo quy hoạch (bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025). Ưu tiên hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp các đường tỉnh hiện có như: ĐT.292, ĐT.291, ĐT.298, ĐT.294, ĐT.289...; đầu tư một số tuyến đường mở mới (như: cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An - QL.31 - QL.1 và tuyến nhánh hồ Suối Nứa - hồ Khuôn Thần; đường nối QL.37 - QL.17 - ĐT.292 (đoạn Việt Yên, Tân Yên, Lạng

Giang); đường nối ĐT.295 - ĐT.290 (Quý Sơn - Hồng Giang), huyện Lục Ngạn,...) và một số trục giao thông kết nối đối ngoại với các tỉnh giáp ranh (như: đường dẫn và cầu Hà Bắc 1, Hà Bắc 2 kết nối với tỉnh Bắc Ninh; đường và cầu kết nối huyện Hiệp Hòa với thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; tuyến đường nối QL.37 - QL17 - Võ Nhai (Thái Nguyên); đường vành đai V - vùng thủ đô Hà Nội; cầu Đồng Việt kết nối với tỉnh Hải Dương...).

- *Đường đô thị*: Chinh trang, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường hiện có, xây mới các tuyến đường trong các khu đô thị mới theo quy hoạch được duyệt, bảo đảm kết nối thuận tiện với hệ thống quốc lộ, đường tỉnh,... quan tâm đầu tư các tuyến đường tránh đô thị nhằm mở rộng không gian đô thị và giảm tải cho đường nội thị.

- *Giao thông nông thôn*: Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp một số tuyến giao thông động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương; tăng cường phối hợp giữa các địa phương để đầu tư xây dựng các tuyến đường có tính chất liên vùng. Tiếp tục đầu tư phát triển giao thông nông thôn gắn với thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phấn đấu cải tạo nâng cấp 100% đường huyện quy mô mặt đường rộng tối thiểu 6m; 100% đường xã, 90% đường thôn, xóm được cứng hóa. Bảo trì, bảo dưỡng tốt các tuyến đường đã đầu tư xây dựng.

- *Đường thủy và bến, cảng nội địa*: Tận dụng tối đa lợi thế đường sông; phối hợp với bộ, ngành Trung ương thực hiện nạo vét luồng lạch, chỉnh trị dòng sông bảo đảm cho các phương tiện có tải trọng lớn lưu thông. Hỗ trợ và tạo điều kiện nhà đầu tư xây dựng cảng Tân Tiến, cảng đầu mối Đồng Sơn, cảng Hòa Phú, cảng Quang Châu và các cảng theo quy hoạch có khả năng xếp dỡ container và hệ thống hạ tầng để kết hợp giao thông đường thủy với giao thông đường bộ. Phấn đấu tăng tỷ trọng vận tải đường thủy từ 4% lên 15% nhằm phát huy tối đa hệ thống đường thủy.

- *Đường sắt*: Tiếp tục phối hợp đề nghị các cơ quan Trung ương thực hiện nâng cấp hạ tầng tuyến đường sắt tốc độ cao từ Hà Nội - Bắc Giang đi Lạng Sơn; cải tạo để nâng tốc độ chạy tàu tuyến Bắc Giang - Quảng Ninh nhằm nâng cao thị phần vận tải hàng hóa; đầu tư xây dựng nhà ga và đường kết nối với hệ thống đường bộ, tiếp tục nghiên cứu di chuyển vị trí ga Bắc Giang để bảo đảm cảnh quan, phát triển đô thị. Nghiên cứu phương án đầu tư một số cầu vượt đường sắt.

- *Bến, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ*: Kêu gọi đầu tư xây dựng các bến, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ dọc các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, các khu du lịch,... Hoàn thành trạm dừng nghỉ tại Trung tâm logistics quốc tế thành phố Bắc Giang; ưu tiên bổ sung xây dựng các điểm dừng đón trả khách để bảo đảm cho hoạt động vận tải đưa đón công nhân trên địa bàn tỉnh.

### 3. Thực hiện tốt các giải pháp:

3.1. Tiếp tục đẩy mạnh quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU và Kết luận này; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tuyên truyền của các cấp ủy, chính quyền, ủy ban mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên, nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương.

Tạo sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân tham gia và chia sẻ trách nhiệm, nghĩa vụ đối với Nhà nước để tập trung đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, từng bước hiện đại.

3.2. Tập trung triển khai các nội dung xây dựng và quản lý quy hoạch giao thông vận tải theo Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ưu tiên đầu tư trọng điểm theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó tập trung đầu tư một số công trình quan trọng, có sức lan tỏa, tạo đột phá lớn nhằm đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Ban hành cơ chế, chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông gắn với quy hoạch các khu đô thị, khu dân cư nhằm khai thác quỹ đất có giá trị cao do hạ tầng giao thông tạo ra để hoàn vốn và tái đầu tư.

3.3. Đẩy mạnh thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, cụ thể hóa các chính sách của Trung ương phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư; tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước, tranh thủ tối đa nguồn vốn của Trung ương; tập trung nguồn vốn ngân sách địa phương, khai thác nguồn vốn từ quỹ đất và sử dụng vốn vay thương mại, nghiên cứu phát hành trái phiếu chính quyền địa phương đối với công trình giao thông quan trọng, cấp thiết, tạo đột phá thúc đẩy phát triển. Thực hiện đa dạng hóa đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (PPP) để thu hút nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân. Tăng cường công tác phối hợp với các tỉnh, thành phố giáp ranh để cùng đầu tư các công trình liên tỉnh phục vụ kết nối đối ngoại.

3.4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, bảo đảm thông thoáng, thuận lợi và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông. Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền để thực hiện kiểm tra, giám sát và quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn vốn ngân sách, chống tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông. Thực hiện việc phân cấp, ủy quyền để phát huy tính chủ động, sáng tạo gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, hậu kiểm.

3.5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư từ bước chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư đến quản lý và sử dụng công trình. Không đầu tư dàn trải, đầu tư đến đâu chắc đến đó. Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng bảo đảm tiến độ đầu tư theo hướng giải phóng mặt bằng đủ quy mô quy hoạch, đầu tư từng bước; nhân rộng phong trào hiến đất làm đường giao thông nông thôn; tăng cường công tác quản lý đất đai, bổ sung hoàn thiện chính sách bồi thường, chuẩn bị trước các quỹ đất tái định cư, đất nghĩa trang phục vụ giải phóng mặt bằng. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là cán bộ có trình độ cao trong lĩnh vực giao thông vận tải; nâng cao năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án, tổ chức tư vấn, đơn vị thi công, đơn vị quản lý khai thác công trình giao thông. Tích cực ứng dụng khoa học kỹ thuật trong đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông cũng như trong quản lý, khai thác sử dụng; ưu tiên sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ hiện đại, vật liệu mới, tiếp cận công nghệ mới của nước ngoài, góp phần nâng cao chất lượng công trình, hạ giá thành sản phẩm, rút ngắn thời gian thi công.

3.6. Nâng cao công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là giao thông nông thôn. Bố trí vốn kịp thời và đạt tối thiểu 10% kinh phí trong

nguồn sự nghiệp kinh tế của địa phương hằng năm, áp dụng nhiều mô hình, hình thức, ứng dụng vật liệu mới và vật liệu sẵn có để thực hiện công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông. Thực hiện quản lý, khai thác sử dụng gắn với xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm hành lang an toàn giao thông, quản lý chặt chẽ xe quá khổ, quá tải; nghiên cứu việc quản lý trật tự xây dựng theo quy hoạch đối với các trục đường giao thông có khả năng hình thành các khu dân cư mang tính chất đô thị.

4. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, hoàn thành trong tháng 5/2021 để triển khai thực hiện; nghiên cứu, tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách phát triển kết cấu hạ tầng giao thông (huy động nguồn lực, hỗ trợ đầu tư...) phù hợp với giai đoạn hiện nay. Chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện bảo đảm phù hợp thực tế. Hằng năm kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện nội dung Nghị quyết số 113-NQ/TU và Kết luận này gắn với đánh giá, xếp loại người đứng đầu của các ngành, địa phương.

5. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 113-NQ/TU và tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai Kết luận này gắn với xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện bảo đảm phù hợp tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, hoàn thành trong tháng 6/2021.

6. Ủy ban MTTQ và các đoàn thể theo chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp với chính quyền đồng cấp đẩy mạnh vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU và Kết luận này theo quy định.

7. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông tổ chức tuyên truyền nội dung Kết luận này và tiếp tục tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 113-NQ/TU đến đông đảo các tầng lớp nhân dân. Thường xuyên phản ánh những cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt, đồng thời phê phán những hạn chế, yếu kém trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU và Kết luận này.

8. Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kết luận này; định kỳ, hằng năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và tham mưu tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 113-NQ/TU và Kết luận này vào quý I/2025.

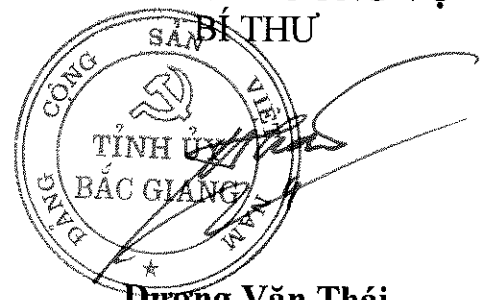
Kết luận được phổ biến đến chi bộ./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh,
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

(báo cáo),

T/M BAN THƯỜNG VỤ



**Dương Văn Thái**